

BÁO CÁO

Kết quả Thống kê đất đai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Điều 34 của Luật Đất đai về thống kê kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột (sau đây gọi là UBND cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện Thống kê đất đai năm 2018 nhằm mục đích đánh giá đúng hiện trạng sử dụng đất đai năm 2018; cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu phục vụ cho công tác lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện; kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội; làm cơ sở hoạch định các chính sách về đất đai của tỉnh; kiến nghị, đề xuất biện pháp tăng cường quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh nhằm đưa đất đai vào quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh.

I. Cơ sở pháp lý thực hiện Thống kê đất đai

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Công văn số 4032/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018.

II. Tình hình tổ chức thực hiện; nguồn số liệu, tài liệu sử dụng để tổng hợp Thống kê đất đai năm 2018

1. Công tác chuẩn bị

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2162/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 hướng dẫn thực hiện Thống kê đất đai năm 2018 trên địa phương mình quản lý.

Thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến biến động về đất đai trong kỳ Thống kê đất đai năm 2018, gồm các hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm 2018, kết quả thống kê đất đai năm 2017, kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 và các hồ sơ thanh tra, biên bản kiểm tra sử dụng đất của các cấp đã thực hiện trong kỳ thống kê.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã tổ chức, thực hiện Thống kê đất đai năm 2018; thành lập Tổ giúp việc kiểm tra, thẩm định kết quả thống kê đất đai năm 2018 trên định bản tỉnh.

2. Thu thập các số liệu, tài liệu phục vụ Thống kê đất đai năm 2018

Nguồn số liệu, tài liệu phục vụ cho công tác Thống kê đất đai năm 2018, bao gồm:

a) Nguồn tài liệu

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014;
- Bản đồ kết quả điều tra kiểm kê năm 2014;
- Bản đồ kết quả điều tra năm 2017;
- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018;
- Bản đồ, trích lục kèm theo Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng của UBND cấp huyện và cấp tỉnh;
- Bản đồ địa chính đã được chỉnh sửa sau khi đã đăng ký quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu khác có liên quan;
- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất;
- Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Hồ sơ đăng ký, chỉnh lý biến động đất đai trong năm 2018;
- Các bản đồ chuyên đề khác;

b) Số liệu

- Số liệu Kiểm kê đất đai năm 2014;
- Số liệu Thống kê đất đai năm 2017;

- Số liệu biến động được tổng hợp từ hồ sơ địa chính trong năm 2018 (Sổ mục kê, Sổ địa chính, Sổ theo dõi biến động, Bản đồ địa chính);

- Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu, số liệu thu thập

Kết quả Thống kê đất đai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được tổng hợp từ bộ số liệu cấp xã thành bộ số liệu cấp huyện, tổng hợp bộ số liệu cấp huyện thành bộ số liệu toàn tỉnh trên phần mềm TK Tool; số liệu thống kê đất đai được trích xuất từ bản đồ cấp xã. Tài liệu tổng hợp và có bổ sung từ bản đồ kết quả điều tra năm 2018; nguồn tài liệu để xây dựng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê được xây dựng cơ bản trên nền bản đồ địa chính được đo vẽ từ năm 2009 đến nay và đã được cập nhật chỉnh lý đúng quy định các trường hợp biến động về loại đất, loại đối tượng sử dụng đất trong năm 2018.

Kết quả Thống kê đất đai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 4032/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 30/7/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018, nên tài liệu, số liệu Thống kê đất đai năm 2018 đảm bảo độ tin cậy, đạt chất lượng theo quy định.

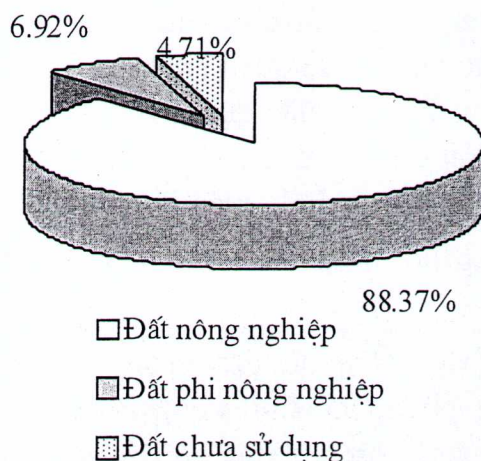
III. Phân tích đánh giá

1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất

Kết quả Thống kê đất đai năm 2018, tổng diện tích tự nhiên tỉnh Đắk Lắk là 1.303.050 ha (Chưa bao gồm 9.300 ha đang tranh chấp với tỉnh Khánh Hòa), gồm:

- Đất nông nghiệp: 1.151.481,2 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 90.187,3 ha;
- Đất chưa sử dụng: 61.381,0 ha.

CƠ CẤU SỬ DỤNG QUỸ ĐẤT



1.1. Phân theo mục đích sử dụng

1.1.1. Nhóm đất nông nghiệp là: 1.151.481,2 ha, chiếm 88,37% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 627.031,0 ha, chiếm 48,12% tổng diện tích tự nhiên, chia ra theo từng loại đất:

- Đất trồng lúa: 69.439,9 ha, chiếm 5,33% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa: 47.481,4 ha;

+ Đất trồng lúa nước còn lại: 21.951,8 ha;

+ Đất trồng lúa nương: 6,7 ha.

Đất trồng lúa 69.439,9 ha, được phân bổ trên tất cả địa bàn 15 đơn vị hành chính cấp huyện; trong đó tập trung chủ yếu tại các huyện trọng điểm lúa của tỉnh như: Huyện Ea Súp 10.823,4 ha; Krông Pắc 10.256,8 ha; Lắk 8.660,1 ha; Ea Kar 7.544,2 ha; Krông Ana 7.350,7 ha; Krông Bông 5.647,0 ha, huyện Krông Búk có diện tích nhỏ nhất là 308,5 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 170.075,4 ha, chiếm 13,05% tổng diện tích tự nhiên;

- Đất trồng cây lâu năm: 387.515,8 ha, chiếm 29,74% tổng diện tích tự nhiên.

Cây lâu năm bao gồm cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, ca cao và các loại cây ăn quả; đây là loại cây chủ lực của tỉnh Đắk Lắk; diện tích đất cây lâu năm được phân bổ tập trung chủ yếu ở các huyện như: Huyện Cư M'gar 58.668,3 ha; Ea H'leo 58.491,4 ha; Krông Năng 41.390,3 ha; Krông Búk 31.239,8 ha; Krông Pắc 29.515,0 ha; Ea Kar 26.039,4 ha; Ea Súp 25.251,7 ha, Buôn Ma Thuột 21.286,2 ha, thị xã Buôn Hồ 21.264,1ha, Cư Kuin 19.138,9 ha,... huyện Lắk 5.193,4 ha là huyện có diện tích trồng cây lâu năm thấp nhất trong toàn tỉnh.

b) Đất lâm nghiệp: 519.712,5 ha, chiếm 39,88% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất rừng sản xuất: 239.529,3 ha, chiếm 18,38% tổng diện tích tự nhiên;

Diện tích đất rừng sản xuất chủ yếu do 15 Công ty Lâm nghiệp và các Doanh nghiệp đang được cho thuê quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng với diện tích 145.498,3 ha; Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý 20.491 ha; Ủy ban nhân dân xã quản lý 48.513,5 ha; còn lại do lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư, hộ gia đình quản lý, sử dụng.

- Đất rừng phòng hộ: 64.806,8 ha, chiếm 4,97% tổng diện tích tự nhiên; bao gồm:

+ Ban quản lý rừng phòng hộ, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý 21.530,5 ha (Ban quản lý rừng phòng hộ núi Vọng Phu, Ban quản lý rừng phòng hộ Krông Năng và Ban quản lý rừng phòng hộ Buôn Đôn);

+ Tổ chức kinh tế sử dụng 34.629,19ha, diện tích rừng phòng hộ tập trung chủ yếu tại các Công ty lâm nghiệp như: Công ty lâm nghiệp Krông Bông, Lắk, M'Đrắk, Chư Phá, Ea Kar và Ea Wy, Công ty TNHH cao su và lâm nghiệp Phước Hòa.

+ Các đối tượng được giao để quản lý: UBND cấp xã 8.647,1 ha.

- Đất rừng đặc dụng 215.377,45ha, chiếm 16,53% tổng diện tích tự nhiên.

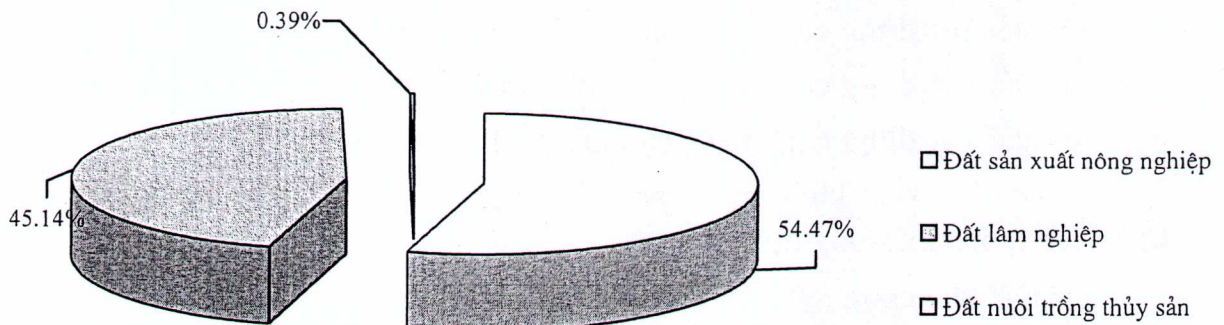
Diện tích rừng đặc dụng thuộc các đơn vị quản lý: 02 Vườn quốc gia (Vườn Quốc gia Yok Don, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin); Ban quản lý rừng đặc dụng Nam Ka; Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô; Khu di tích lịch sử Văn hóa hồ Lắk và 02 khu bảo tồn cây Thủy Tùng (Xã Ea Ral - huyện Ea H'leo và xã Ea Hồ - huyện Krông Năng).

Diện tích còn rừng tự nhiên ở Đắk Lắk được phân bố tập trung chủ yếu ở phía Nam thuộc vùng núi cao Chư Yang Sin (rừng thường xanh), phía Tây thuộc huyện Ea Súp và Buôn Đôn bao gồm vườn Quốc gia Yok Đôn và phía Tây Ea Súp giáp với Cam Pu Chia (rừng khộp) và còn lại ở vùng núi thuộc huyện M'Đrắk, Ea Kar, Ea H'leo.

c) Đất nuôi trồng thủy sản: 4.468,4 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích tự nhiên.

d) Đất nông nghiệp khác: 269,3 ha.

CƠ CẤU ĐẤT NÔNG NGHIỆP



1.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp: 90.187,3 ha, chiếm 6,92% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

a) Đất ở: 15.082,1 ha, chiếm 1,16% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 12.153,1 ha;

- Đất ở tại đô thị: 2.929 ha.

Đất ở tập trung chủ yếu tại thành phố Buôn Ma Thuột với diện tích 2.401,7 ha; đơn vị có diện tích đất ở thấp nhất là huyện Lắk 515,5 ha. Riêng 3 huyện gồm Cư Kuin, Buôn Đôn, Krông Búk không có đất ở tại đô thị.

b) Đất chuyên dùng: 54.448,4 ha, chiếm 4,18 % tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 229,1 ha;

- Đất quốc phòng: 5.311,6 ha;

Đất quốc phòng được bố trí trên toàn bộ 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: M'Đrăk 1.430,83 ha; Ea H'leo 829,22 ha; thành phố Buôn Ma Thuột 744,96 ha; Buôn Đôn 744,19 ha; Ea Súp 714,55 ha; Buôn Hồ 218,84 ha; Krông Pắc 154,17 ha; Ea Kar 138,9 ha; Krông Ana 78,81 ha; Krông Bông 75,7 ha; Cư M'gar 73,63 ha; Krông Búk 64,51 ha; Krông Năng 23,26 ha; Lắk 11,23 ha; Cư Kuin 8,79 ha.

- Đất an ninh: 2.318,0 ha;

Đất an ninh tập trung chủ yếu ở các huyện sau: Huyện M'Đrăk 1.146,52 ha (có đất cơ sở giáo dục Đăk Tân-Cục V26); huyện Cư M'gar 1.053,58 ha (có trại Đăk Trung V26) và thành phố Buôn Ma Thuột 81,58 ha, Krông Buk 6,34 ha; huyện Krông Bông có diện tích đất an ninh thấp nhất, 1,07 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1.906,5 ha, trong đó:

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 63,46 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá: 86,26 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội: 20,75 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: 115,2 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 1.193,55 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 399,69 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: 26,72 ha;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: 0,88 ha.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 2.588,6 ha, chiếm 0,2% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

+ Đất khu công nghiệp: 181,64 ha;

Tỉnh Đăk Lắk hiện có 01 khu công nghiệp Hoà Phú, diện tích 181,64 ha.

+ Đất cụm công nghiệp: 362,28 ha;

Toàn tỉnh hiện có 07 cụm công nghiệp diện tích 362,28 ha, bao gồm: Cụm công nghiệp Tân An 1 và 2, thành phố Buôn Ma Thuột 106,8 ha; Cụm công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar 51,5 ha; Cụm công nghiệp Krông Búk, huyện Krông Búk 69,3 ha; Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp 26,0 ha; Cụm công nghiệp Krông Jing, huyện M'Đrăk 70,0 ha; Cụm công nghiệp Ea H'leo, huyện Ea H'leo 13,54 ha; Cụm công nghiệp huyện Cư Kuin 25,06 ha.

+ Đất thương mại dịch vụ: 497,96 ha;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 749,8 ha;

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 18,61 ha;
+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 778,33 ha.
- Đất có mục đích công cộng: 42.094,5 ha, chiếm 3,23% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

+ Đất giao thông: 21.588,62 ha;

+ Đất thủy lợi: 13.125,85 ha;

Toàn tỉnh hiện có 642 công trình thủy lợi (516 hồ chứa, 81 đập dâng và 45 trạm bơm, hệ thống kênh dẫn)

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 29,49 ha;

+ Đất danh lam thắng cảnh: 187,05 ha;

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 222,72 ha;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 55,06 ha;

+ Đất công trình năng lượng: 6.572,42 ha;

Đất công trình năng lượng trên địa bàn tỉnh có các công trình chiếm diện tích đất lớn như thủy điện Krông H'nh, thủy điện Buôn Tua Srah, thủy điện Buôn Kuốp, thủy điện Srepôk 3, Nhà máy điện mặt trời Jang Pông, Nhà máy điện mặt trời Long Thành Đắc Lắc, Nhà máy điện mặt trời Quang Minh...

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: 13,92 ha;

+ Đất chợ: 106,11 ha;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 193,27 ha.

c) Đất cơ sở tôn giáo: 141,11 ha.

Diện tích đất tôn giáo tập trung chủ yếu là ở thành phố Buôn Ma Thuột 57,9 ha, là nơi có nhiều cơ sở tôn giáo như: Thiên chúa giáo, Tin lành, Phật giáo, Cao Đài, đã xây dựng các công trình như: Toà Giám mục Buôn Ma Thuột, Tu viện, Nhà thờ, Giáo xứ, Giáo họ, Chùa, Niệm phật đường...; các huyện có diện tích tôn giáo tương đối lớn khác là: huyện Krông Pắc 26,54 ha, thị xã Buôn Hồ 17,79 ha; huyện Cư Kuin 13,32 ha, Cư M'gar 6,44 ha,.. riêng huyện Ea Súp không có đất cơ sở tôn giáo.

d) Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,79 ha.

đ) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 1.894,35 ha.

e) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 14.282,97 ha, chiếm 1,1% tổng diện tích tự nhiên.

f) Đất có mặt nước chuyên dùng: 4.339,9 ha, chiếm 0,33% tổng diện tích tự nhiên.

g) Đất phi nông nghiệp khác: 0,69 ha.

1.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng là: 61.381 ha, chiếm 4,71% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- + Đất bằng chưa sử dụng: 3.664,33 ha;
- + Đất đồi núi chưa sử dụng: 57.716,68 ha.

1.2. Phân theo đối tượng sử dụng

Tổng diện tích tự nhiên: 1.303.050 ha, trong đó:

1.2.1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng: 553.899 ha, chiếm 42,51% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 538.618,4 ha, trong đó:
 - + Đất sản xuất nông nghiệp: 522.055,6 ha (đất trồng cây hàng năm 204.735,7 ha; đất trồng cây lâu năm: 317.319,9 ha);
 - + Đất lâm nghiệp: 12.136,1 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 4.358,4 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác: 66,4 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 15.215,7 ha, bao gồm:
 - + Đất ở nông thôn: 12.099,4 ha;
 - + Đất ở đô thị: 2.884,3 ha;
 - + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 231,04 ha.

1.2.2. Tổ chức trong nước sử dụng: 582.789,0 ha, chiếm 44,73% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

a) Tổ chức kinh tế sử dụng: 297.148 ha; chiếm 22,8% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm:

- Đất nông nghiệp: 253.830,6 ha; trong đó:
 - + Đất sản xuất nông nghiệp: 73.431,3 ha;
 - + Đất lâm nghiệp: 180.127,5 ha (15 Công ty Lâm nghiệp và các Doanh nghiệp đang được cho thuê quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng);
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 74,23 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác: 197,67 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 16.384 ha, trong đó:
 - + Đất ở: 18,07 ha;
 - + Đất chuyên dùng: 13.930 ha;
 - + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 4,03 ha;
 - + Đất sông, suối: 734,47 ha;
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng: 1.696,9 ha;
 - + Đất phi nông nghiệp khác: 0,46 ha.
- Đất chưa sử dụng: 26.933,7 ha.

b) Cơ quan đơn vị của nhà nước sử dụng: 12.766 ha; chiếm 0,98% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm :

- Đất nông nghiệp: 1.776,3 ha; trong đó:
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 1.706,5 ha;
- + Đất lâm nghiệp: 52,65 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 17,12 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 10.977,8 ha, trong đó:
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 227,52 ha;
- + Đất quốc phòng: 5.311,06 ha;
- + Đất an ninh: 2.317,92 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 1.865 ha;
- + Đất sông, suối: 6,87 ha.
- Đất chưa sử dụng: 11,9 ha.

c) Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 272.875 ha, chiếm 20,94% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm:

- Đất nông nghiệp: 260.662,4 ha, trong đó:
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 3.323,48 ha;
- + Đất lâm nghiệp: 257.331,53 ha;

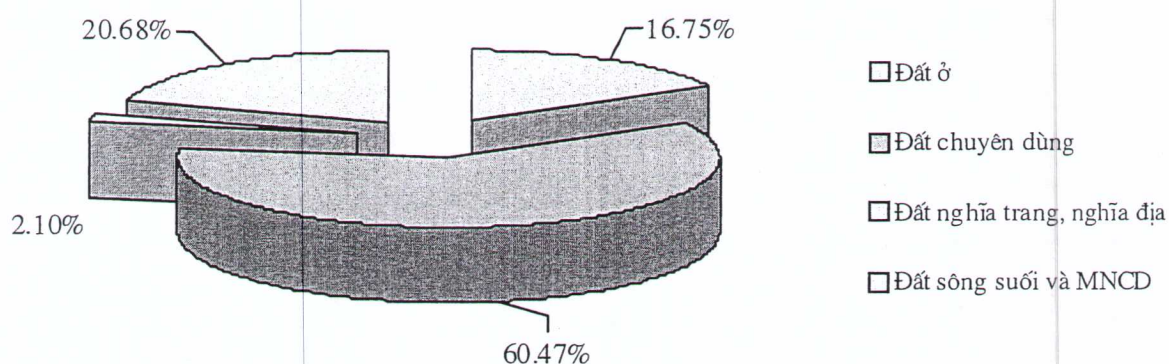
Đất lâm nghiệp do các tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng bao gồm các Ban quản lý rừng, khu bảo tồn ...; cụ thể: Ban quản lý rừng phòng hộ núi Vọng Phu, huyện M'Đrăk; Ban quản lý rừng phòng hộ Krông Năng, huyện Krông Năng; Ban quản lý rừng phòng hộ Buôn Đôn, huyện Buôn Đôn; Ban quản lý rừng đặc dụng Nam Ka; Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô; Khu di tích lịch sử Văn hóa hồ Lắk và 02 khu bảo tồn cây Thủy Tùng, tại xã Ea Ral, huyện Ea H'leo và tại xã Ea Hồ, huyện Krông Năng.

- + Đất nuôi trồng thủy sản: 3,01 ha;
- + Đất nông nghiệp khác: 4,41 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 3.263,1 ha, chiếm 3,62% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:
- + Đất chuyên dùng: 1.811,64 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 5,47 ha;
- + Đất sông, suối: 1.126,54 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 319,5 ha.
- Đất chưa sử dụng: 8.949,2 ha.

1.2.3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 1,81 ha;

1.2.4. Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 2.776 ha, chiếm 2,21% tổng diện tích tự nhiên.

CƠ CẤU ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP



1.3. Phân theo đối tượng quản lý

a) UBND cấp xã quản lý: 125.086 ha, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 12.496,7 ha;
- Đất lâm nghiệp: 57.175,27 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 33.183 ha;
- Đất chưa sử dụng: 22.223,9 ha.

b) Tổ chức phát triển quỹ đất: 265 ha, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 191,84 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 73,5 ha (Trong đó: đất ở 33,81 ha; đất chuyên dùng: 39,72);
- Đất chưa sử dụng: 0,04 ha.

c) Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 38.232 ha;

- Đất nông nghiệp: 24.099,2 ha (đất sản xuất nông nghiệp: 13.782,53 ha; đất lâm nghiệp: 10.307,71 ha);
- Đất phi nông nghiệp: 10.937,4ha;
- Đất chưa sử dụng: 3.195,8 ha.

2. Phân tích, đánh giá tình hình biến động, tăng giảm sử dụng đất trong năm thống kê đất đai 2018

2.1. Về tổng diện tích tự nhiên của tỉnh

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Đắk Lắk theo kết quả Thống kê đất đai năm 2018 là 1.303.050 ha, không thay đổi so với kỳ thống kê năm 2017 (chưa tổng hợp diện tích 9.300 ha khu vực đang tranh chấp với tỉnh Khánh Hòa).

2.2. Tình hình biến động đất nông nghiệp và nguyên nhân biến động:

Đất nông nghiệp 1.151.481,2 ha, so với năm 2017, đất nông nghiệp 1.152.324,2 ha, giảm 843 ha; so với năm 2014 là 1.151.459,4 ha, tăng 21,8 ha, cụ thể như sau:

2.2.1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: Đất sản xuất nông nghiệp năm 2018 là 627.031,03 ha, năm 2017 là 627.355,1 ha, giảm 324,07 ha; so với năm 2014 là 627.161,96 ha, giảm 130,93 ha, trong đó:

a) Đất trồng cây hàng năm 2018 là 239.515,25 ha, năm 2017 là 239.782,32 ha, giảm 256,07 ha; so với năm 2014 là 239.121,36 ha, tăng 393,88 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa năm 2018 là 69.439,86 ha, năm 2017 là 69.471,86 ha, giảm 32 ha; so với năm 2014 là 69.147,62 ha, tăng 292,24 ha;

Trong kỳ Thống kê đất đai, đất lúa giảm 32 ha, do chuyển sang đất cây lâu năm 0,13 ha, đất ở 1,03 ha, chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,05 ha, chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,39 ha, chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 30,62 ha.

Nguyên nhân đất lúa giảm, chuyển sang các loại đất khác là do chuyển sang đất công cộng, đất ở và đất cơ sở sản xuất kinh doanh:

+ Huyện Cư M'gar: Hồ Buôn Tah, xã Ea Đrong diện tích 0,27 ha

+ Huyện Ea Súp: Hồ thủy lợi đội 3, đội 6, xã Ia Lốp; hồ thủy lợi đội 4, đội 9, đội 10, xã Ia Rvê tổng diện tích 27,28 ha. Các hồ thủy lợi đội 3, đội 6, xã Ia Lốp; hồ thủy lợi đội 4, đội 9, đội 10, xã Ia Rvê, xã Ea Bung do Đoàn kinh tế quốc phòng 737 đầu tư xây dựng đề nghị bàn giao về địa phương quản lý tại Công văn số 81/ĐKT-PTM ngày 09/8/2018; ngày 27/9/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2372/QĐ-UBND về thu hồi 739 ha đất các công trình thủy lợi thuộc khu kinh tế quốc phòng Ea Súp tại các xã Ia Lốp, Ia Rvê, Ea Bung, huyện Ea Súp của Đoàn kinh tế quốc phòng 737 giao cho các đơn vị, địa phương quản lý. Sau khi xác định ranh giới đất các công trình thủy lợi theo Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 27/9/2018, chồng lên bản đồ khoanh đất Thống kê đất đai năm 2018 thì lấy vào đất lúa (Kiểm kê đất đai năm 2014 xác định đất công trình thủy lợi theo hiện trạng mặt nước), vì vậy đã chuyển từ đất lúa sang đất thủy lợi.

+ Thị xã Buôn Hồ, huyện Krông Búk: Công trình đường Hồ Chí Minh với tổng diện tích 2,3 ha.

+ Huyện Lắk: Chuyển sang đất giao thông diện tích 0,3 ha.

+ Đất lúa chuyển sang đất ở, đất sản xuất kinh doanh: diện tích 1,47 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác năm 2018 là 170.075,39 ha, năm 2017 là 170.310,46 ha, giảm 235,07 ha; so với năm 2014 là 169.973,74 ha, tăng 101,64 ha, trong đó:

Trong kỳ Thống kê đất đai, đất trồng cây hàng năm khác giảm 303,08 ha, do chuyển sang cây lâu năm là 77,52 ha, đất nông nghiệp khác 42,88 ha, đất ở 28,98 ha, đất quốc phòng 1,44 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh 29,51 ha, đất công cộng 121,95 ha, đất tôn giáo 0,58 ha. Gồm các công trình chính: Hồ thủy lợi đội 3, đội 6, xã Ia Lốp; hồ thủy lợi đội 4, đội 9, đội 10, xã Ia Rvê thuộc

huyện Ea Súp (Quyết định số 2372/QĐ-UBND), Nhà máy điện mặt trời Jang Pông, ...hộ gia đình cá nhân chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang đất cây lâu năm để trồng cây ăn quả (bơ, sầu riêng, soài, mít,..)

Trong kỳ Thống kê đất đai, đất trồng cây hàng năm khác tăng 68,01 ha, do chuyển từ đất cây lâu năm sang là 6,59 ha, đất lâm nghiệp là 61,17 ha.

- Đất trồng cây lâu năm, năm 2018 là 387.515,78 ha, năm 2017 là 387.572,78 ha, giảm 57 ha; so với năm 2014 là 388.040,59 ha, giảm 524.81 ha, trong đó:

+ Trong kỳ Thống kê đất đai, đất trồng cây lâu năm giảm 525,01 ha, chuyển sang đất trồng cây hàng năm là 6,59 ha, đất nông nghiệp khác 102,46 ha, đất ở là 52,16 ha, đất quốc phòng 10,64 ha, đất an ninh 0,19 ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp là 5,51 ha, đất sản xuất kinh doanh 13,7 ha, đất sử dụng vào mục đích công cộng 329,89 ha, đất tôn giáo 3,78 ha.

Đất trồng cây lâu năm giảm sang đất công trình công cộng là do thực hiện Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, dự án điện mặt trời Jang Bông, dự án điện mặt trời Quang Minh, dự án đường Hồ Chí Minh...

+ Trong kỳ Thống kê đất đai, đất trồng cây lâu năm tăng 468 ha, do chuyển từ đất cây hàng năm là 77.52 ha, đất rừng sản xuất 251,31 ha, đất quốc phòng 137,62 ha. Đất trồng cây lâu năm tăng lấy từ đất quốc phòng là do UBND tỉnh thu hồi đất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại xã Ea Kiết, xã Ea M'roh, huyện Cư M'gar giao UBND huyện Cư M'gar quản lý tại Quyết định số 2522/QĐ-UBND, 2523/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 (Thống kê đất đai năm 2017 chưa cập nhật). Đất trồng cây lâu năm tăng lấy từ đất rừng sản xuất là do Kiểm kê đất đai năm 2014 hiện trạng là đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm nhưng vẫn xác định là đất rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng; nay xác định lại là đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm cho đúng với hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

2.2.2. Diện tích đất lâm nghiệp năm 2018 là 519.712,51 ha, năm 2017 là 520.375,35 ha, giảm 662,84 ha; so với năm 2014 là 519.735,74 ha, giảm 23,23 ha, trong đó:

- Đất rừng sản xuất năm 2018 là 239.528,3 ha, năm 2017 là 240.191,14 ha, giảm 662,84 ha; so với năm 2014 là 239.534,29 ha, giảm 5,99 ha, trong đó:

Trong kỳ Thống kê đất đai, đất rừng sản xuất giảm 681,04 ha, do chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác là 61,17 ha, đất trồng cây lâu năm 251,31 ha, đất công cộng 365,19 ha, đất sản xuất kinh doanh 3,06 ha. Nguyên nhân: giảm chuyển sang đất công cộng (đất hồ thủy lợi) là do thực hiện theo Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, giảm chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là thực hiện theo Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích đất rừng trồng bằng cây cao su sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su; giảm chuyên sang đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm là do Kiểm kê đất đai năm 2014 hiện trạng là đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm nhưng vẫn xác định là đất rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng.

Trong kỳ Thống kê đất đai, đất rừng sản xuất tăng 18,2 ha, do chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng.

- Đất rừng phòng hộ năm 2018 là 64.806,75 ha, không đổi so năm 2017.

- Đất rừng đặc dụng năm 2018 là 215.377,45 ha, không đổi so năm 2017.

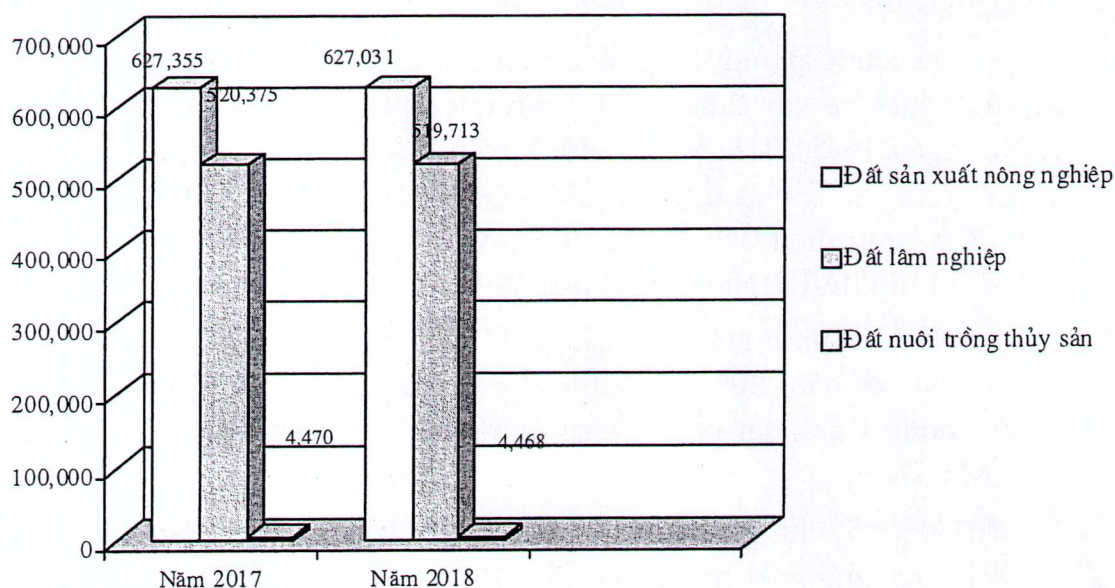
2.2.3. Đất nuôi trồng thủy sản năm 2018 là 4.468,38 ha, năm 2017 là 4.469,82 ha, giảm 1,44 ha; so với năm 2014 là 4.472,35 ha, giảm 3,97 ha.

Trong kỳ Thống kê đất đai, đất nuôi trồng thủy sản giảm 1,54 ha, do chuyển sang đất ở 0,02 ha, đất công cộng 1,52 ha; tăng 0,1 ha lấy từ đất cây lâu năm.

2.2.4. Đất nông nghiệp khác năm 2018 là 269,32 ha, năm 2017 là 123,98 ha, tăng 145,34 ha, so với năm 2014 là 89,37 ha, tăng 179,95 ha.

Đất nông nghiệp khác tăng 145,34 ha lấy từ đất trồng cây hàng năm 42,88 ha, đất trồng cây lâu năm 102,46 ha là do: thực hiện dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Ea Kpam, huyện Cư M'gar, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi ở xã Ea Sô, huyện Ea Kar

**BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2017 - 2018**



2.3. Tình hình biến động đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp năm 2018 là 90.187,3 ha, năm 2017 là 89.289,5 ha, tăng 897,8 ha, so với năm 2014 là 88.168,7 ha, tăng 2.018,5 ha, cụ thể như sau:

2.3.1. Đất ở năm 2018 là 15.082,06 ha, năm 2017 là 14.993,96 ha, tăng 88,1 ha, so với năm 2014 là 14.824,17 ha, tăng 257,9 ha, trong đó:

- Đất ở nông thôn năm 2018 là 12.153,07 ha, năm 2017 là 12.089,37 ha, tăng 63,69 ha; so với năm 2014 là 11.982,34 ha, tăng 170,72 ha.

- Đất ở đô thị năm 2018 là 2.928,99 ha, năm 2017 là 2.904,58 ha, tăng 24,41 ha; so với năm 2014 là 2.841,82 ha, tăng 87,17 ha.

Nguyên nhân đất ở tăng: Do các hộ gia đình, cá nhân được UBND cấp huyện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở; UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sang đất ở đô thị, đất ở nông thôn để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

2.3.2. Đất chuyên dùng

Đất chuyên dùng năm 2018 là 54.448,39 ha, năm 2017 là 53.501,11 ha, tăng 947,28 ha, so với năm 2014 là 52.512,72 ha, tăng 1.935,67 ha, trong đó:

a) Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2018 là 229,12 ha, năm 2017 là 229,33 ha, giảm 0,21 ha, so với năm 2014 là 230,12 ha giảm 0,99 ha. Nguyên nhân giảm sang đất ở đô thị 0,05 ha tại thị trấn Quảng Phú để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; sang đất công trình công cộng (đất bưu điện) 0,16 ha tại thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp (trước đây bưu điện thuộc đất trụ sở UBND xã.

b) Đất quốc phòng năm 2018 là 5.311,58 ha, năm 2017 là 5.436,58 ha, giảm 125 ha, so với năm 2014 là 5.434,12 ha, giảm 122,54 ha;

- Đất quốc phòng giảm 137,62 do thu hồi đất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xã Ea Kiệt, xã Ea M'roh, huyện Cư M'gar giao UBND huyện Cư M'gar quản lý tại Quyết định số 2522/QĐ-UBND, 2523/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh.

- Đất quốc phòng tăng diện tích 12,62 ha tại: xã Ea Rvê, huyện Ea Súp diện tích 6,24 ha xây dựng công trình quốc phòng tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 18/5/2018; xã Ea Hồ, huyện Krông Năng diện tích 3,0 ha để xây dựng trụ sở tại Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 12/9/2018; xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin diện tích 3,32 ha để xây dựng công trình quốc phòng tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 24/01/2018.

c) Đất an ninh năm 2018 là 2.318,04 ha, năm 2017 là 2.317,85 ha, tăng 0,19 ha; so với năm 2014 là 2.306,06 ha, tăng 11,98 ha; Nguyên nhân mở rộng trụ sở Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tại phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột.

d) Đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2018 là 1.906,51 ha, năm 2017 là 1.901,5 ha tăng 5,01 ha, so với năm 2014, tăng 36,19 ha.

- Đất công trình sự nghiệp tăng diện tích 5,96 ha, bao gồm: đất thể thao tăng 0,65 ha tại Ea Riêng, huyện M'Đrăk, thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột; đất giáo dục tăng diện tích 5,41 ha tại xã Ea Nam, huyện Ea H'leo; xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar; phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột; đất

văn hóa tăng tăng diện tích 0,15 ha tại xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar; thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk.

- Đất công trình sự nghiệp giảm 0,96 ha chuyển sang đất ở để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

đ) Đất sản xuất kinh doanh năm 2018 là 2.588,61 ha, năm 2017 là 2.544,28 ha, tăng 44,33 ha, so với năm 2014, tăng 224,16 ha;

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và thương mại dịch vụ tăng 47 ha: tại huyện Buôn Đôn tăng 25,75 ha thực hiện dự án trang trại chăn nuôi, nhà máy chế biến phân bón, cửa hàng xăng dầu; Krông Năng tăng 7,18 ha để xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn xã Ea Đar; huyện Cư Kuin tăng 6,13 ha để xây dựng nhà máy sơ chế dược liệu Kiên Tây, nhà máy chế biến bao bì carton; Ea H'leo tăng 4,43 ha xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung, nhà máy chế biến mù cao su; thành phố Buôn Ma Thuột tăng 1,54 ha để xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ;

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và thương mại dịch vụ giảm: 2,66 ha, chuyển sang ở 1,21 ha, đất công trình sự nghiệp 0,21 ha, đất công cộng 0,76 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,46 tại huyện Ea Kar.

e) Đất có mục đích công cộng năm 2018 là 42.094,52 ha, năm 2017 là 41.071,57 ha, tăng 1.022,95 ha, so với năm 2014, tăng 1.786,87 ha.

- Đất có mục đích công cộng tăng 1.023,9 ha là do: huyện Ea Súp 772,72 ha, huyện Buôn Đôn 130,84 ha, huyện Ea H'leo 59,56 ha, huyện Krông Búk 24,97 ha, thị xã Buôn hồ 24,86 ha,...Đất công cộng tăng lấy từ đất cây hàng năm 121,95 ha, đất trồng cây lâu năm 329,89 ha, đất lâm nghiệp 365,19 ha (thực hiện Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh) do đất thủy lợi tăng ở các công trình hồ thủy lợi tại huyện Ea Súp, đất năng lượng (dự án điện mặt trời) huyện Ea Súp, huyện Buôn Đôn; đất giao thông; chuyển mã loại đất từ đất mặt nước chuyên dùng sang đất thủy lợi tại huyện Ea Súp cho đúng theo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT.

- Đất công cộng giảm 0,92 ha, chuyển sang đất ở, đất quốc phòng, đất công trình sự nghiệp.

f) Đất tôn giáo năm 2018 là 141,11 ha, năm 2017 là 136,34 ha, tăng 4,77 ha, so với năm 2014, tăng 10,48 ha, là do UBND tỉnh giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng các công trình tôn giáo, trong đó: thành phố Buôn Ma Thuột 1,09 ha, các huyện: Buôn Đôn 0,47 ha, Cư Kuin 0,08 ha, Krông Pắc 1,05 ha, Krông Bông 0,25 ha,...

g) Đất tín ngưỡng năm 2018 là 0,79 ha, không thay đổi so năm 2014, năm 2017.

h) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2018 là 1.894,35 ha, năm 2017 là 1.894,57 ha, giảm 0,22 ha, so với năm 2014, tăng 9,95 ha.

k) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2018 là 14.282,97 ha, năm 2017 là 14.414,86 ha, giảm 131,89 ha, so với năm 2014, giảm 185,21 ha. Nguyên nhân giảm là chuyển mã loại đất cho đúng quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT

l) Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2018 là 4.336,91 ha, năm 2017 là 4.347,62 ha, giảm 10,72 ha, so với năm 2014, giảm 10,72 ha. Nguyên nhân giảm là chuyển mã loại đất cho đúng quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT

m) Đất phi nông nghiệp khác năm 2018 là 0,69 ha, năm 2017 là 0,22 ha, tăng 0,46 ha, so với năm 2014, tăng 0,46 ha tại huyện Ea Kar.

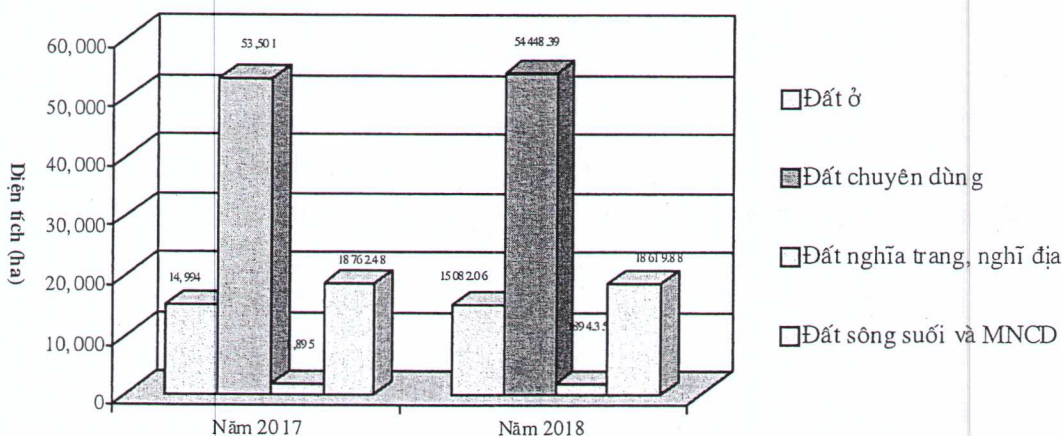
2.4. Đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2018 là 61.381 ha, so với năm 2017 là 61.435,8 ha, giảm 54,8 ha, so với năm 2014, giảm 2.035,8 ha, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng năm 2018 là 3.664,33 ha, năm 2017 là 3.673,43 ha, giảm 9,1 ha, so với năm 2014, giảm 968,12 ha là do chuyển sang đất công cộng, đất ở.

- Đất đồi núi chưa sử dụng năm 2018 là 57.516,68 ha, năm 2017 là 57.762,36 ha, giảm 45,68 ha, so với năm 2014, giảm 1.067,71 ha là do chuyển sang đất rừng sản xuất và đất công cộng.

BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2017 - 2018



3. Tình hình thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Trong kỳ Thống kê đất đai năm 2018, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 1.884,0 ha, cụ thể:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 1.542,9 ha, trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa 32,22 ha; đất trồng cây hàng năm khác 303,08 ha; đất trồng cây lâu năm 525,01 ha; đất rừng sản xuất 681,04 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,54 ha (chuyển mục đích sang đất công cộng tại khu đất hồ thủy lợi thuộc khu kinh tế quốc phòng Ea Súp); chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất kinh

doanh phi nông nghiệp (Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích đất rừng trồng bằng cây cao su sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su; chuyển mục đích sang đất năng lượng để xây dựng Nhà máy điện mặt trời Jang Pông huyện Buôn Đôn);

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 542 ha, trong đó chuyển sang đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm là do Kiểm kê đất đai năm 2014 hiện trạng là đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm nhưng vẫn xác định là đất rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng;

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp 156 ha, trong đó chuyển đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở 0,86 ha, chuyển mục đích từ đất phi nông nghiệp không phải đất ở sang đất ở 88,96 ha, cụ thể: chuyển từ nhóm đất nông nghiệp 82,23 ha; chuyển từ đất trụ sở cơ quan 0,05 ha; chuyển từ đất công trình sự nghiệp 0,71 ha; chuyển từ đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ 1,21 ha; chuyển từ đất mục đích công cộng 0,09 ha;

- Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 54,8 ha, trong đó sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp 19,2 ha; sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp 35,6 ha (chuyển sang đất ở 4,68 ha; chuyển sang đất công cộng 30,86 ha).

4. Tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

4.1. Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

- Thu hồi đất của 64 tổ chức với diện tích 2.223,76 ha; trong đó: thu hồi đất của 02 dự án vi phạm pháp luật về đất đai (vi phạm điểm i, khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013), diện tích 1.218,27 ha (Công ty TNHH Sản xuất-Xuất nhập khẩu Lương thực Bình Dương; Công ty cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành).

- Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho 23 tổ chức với diện tích 1.367,32 ha; cho 37 tổ chức thuê đất với diện tích 815,62 ha; cho phép 52 tổ chức chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 239,31 ha;

- Cho phép 09 tổ chức chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê với diện tích 1,53 ha;

- Cho phép 12 tổ chức gia hạn thời hạn thuê đất với diện tích 2,21 ha; cho phép 13 tổ chức gia hạn tiến độ sử dụng đất với diện tích 564,78 ha;

- Cấp 131 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, diện tích 130,22 ha, cho hộ gia đình, cá nhân 18.399 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 8.312,22 ha. Lũy kế đến nay tỉnh Đắk Lắk đã cấp được

999.764,51 ha/1.042.739 ha, đạt tỷ lệ 95,88% diện tích cần cấp (trong đó: cấp cho tổ chức 603.863,41/609.475 ha, đạt 99,08%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân 395.901,1 ha/433.264 ha, đạt 91,38%).

4.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra xử lý các dự án, công trình không sử dụng đất, chậm tiến độ hoàn thành đầu tư đưa đất vào sử dụng:

Tổng số các dự án, công trình, diện tích đã thực hiện kiểm tra, thanh tra trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/7/2014 đến 30/11/2018, gồm 38 Dự án với tổng diện tích 6.480,97 ha. Trong đó: Dự án, công trình, diện tích không sử dụng đất quá 12 tháng là 15 công trình, dự án với diện tích 11,54 ha; Dự án, công trình chậm tiến độ sử dụng đất quá 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ ngày nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa vào sử dụng là 23 dự án, với tổng diện tích là 6.469,43 ha đất, cụ thể như sau:

a) Số lượng dự án, công trình, diện tích vi phạm đã được gia hạn đưa vào sử dụng của toàn tỉnh: 22 Dự án với tổng diện tích 572,98 ha, chia theo các huyện:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: 05 Dự án với tổng diện tích 11,58 ha, bao gồm: Dự án Văn phòng làm việc, diện tích 0,05 ha của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol; Dự án Trung tâm văn hoá thương mại và dịch vụ tổng hợp Đắc Lắc, diện tích 0,34 ha của Công ty cổ phần đầu tư Cao Nguyên; Văn phòng làm việc, cửa hàng thu mua nông sản nhà kho của Công ty TNHH thương mại Hoa Đào, diện tích 0,5 ha; Khu thương mại phức hợp đa chức năng, diện tích 0,69 ha của Công ty cổ phần xây dựng cơ sở hạ tầng; Dự án xây dựng Phân hiệu Trường Đại học Đông Á của Trường Đại học Đông Á, diện tích 10,00 ha.

- Tại huyện Ea H'leo: 12 Dự án với tổng diện tích 7,85 ha. Bao gồm: Dự án Xây dựng khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ tăng cường sức khỏe, kinh doanh nội thất, diện tích 1,41 ha của Công ty TNHH Cà Chít Vàng; Dự án Cửa hàng giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm trang trí nội thất, diện tích 0,16 ha của Công ty TNHH MTV Phi Mã; Dự án Trung tâm đào tạo và phát triển nghề chế biến gỗ, diện tích 0,46 ha của Công ty cổ phần Trường Thành; Dự án Xưởng chế biến cà phê, diện tích 1,71 ha của Công ty TNHH Toàn Tâm; Dự án Cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, diện tích 2,01 ha của Công ty TNHH thương mại Quốc An; Dự án Trạm cân và khách sạn, diện tích 1,04 ha của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Út Liên; Dự án Trung tâm mua, bán vi tính, thiết bị tin học, viễn thông, diện tích 0,07 ha của Công ty TNHH MTV tin học Bảo Tín; Dự án Cửa hàng kinh doanh chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp, diện tích 0,31 ha của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Năm Ngọc; Dự án Cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán máy móc nông nghiệp và phụ tùng ô tô, diện tích 0,16 ha của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Năm Ngọc; Dự án Trụ sở làm việc, diện tích 0,15 ha của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ea Ral; Dự án xây dựng garage sửa chữa ô tô và cửa hàng kinh doanh phụ tùng ô tô, diện tích 0,20 ha của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Thanh Mai; Dự án Cửa hàng giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm

dịch vụ Trung Lý, diện tích 0,17 ha của Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và dịch vụ Trung Lý.

- Tại huyện Cư Kuin: 01 Dự án, diện tích 0,55 ha, cụ thể: Dự án Bến xe khách huyện Cư Kuin của Hợp tác xã vận tải Nam Hòa.

- Tại huyện Ea Súp: 01 Dự án, diện tích 545,63 ha, cụ thể: Dự án Đầu tư cải tạo, bảo vệ và phát triển rừng của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Tấn Hưng.

- Tại huyện Ea Kar: 03 Dự án với tổng diện tích 7,37 ha. Bao gồm: Dự án Xưởng sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ lò đốt liên tục kiểu đứng, diện tích 1,53 ha của Hợp tác xã Thắng Lợi; Dự án Nhà máy sản xuất gỗ viên nén, diện tích 2,39 ha của Công ty TNHH Lạc Việt Đắc Lắc; Dự án Nhà máy chế biến sản phẩm trái cây, củ quả sấy khô, diện tích 3,45 ha của Công ty cổ phần Vinamit.

b) Số lượng dự án, công trình bị thu hồi đất, diện tích đất đã bị thu hồi: 14 Dự án với tổng diện tích 5.118,28 ha, chia theo các huyện:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: 01 Dự án, diện tích 0,9 ha, cụ thể: Dự án đầu tư xây dựng Trường mầm non tư thục quốc tế Việt Mỹ của Trường trung cấp nghề Việt Mỹ.

- Tại huyện Ea H'leo: 03 Dự án với tổng diện tích 438,55 ha, cụ thể: Dự án trồng rừng kinh tế bằng cây cao su, diện tích 433,38 ha của Công ty TNHH Hoàng Nguyễn; Dự án Nhà máy chế biến đá Granit, diện tích 5,00 ha của Công ty TNHH Nguyên Khôi; Dự án xây dựng Garage sửa chữa ô tô, cửa hàng kinh doanh phụ tùng ô tô và kho bãi phục vụ vận tải hàng hóa; diện tích 0,17 ha của Công ty TNHH vận tải Minh Huy.

- Tại huyện Buôn Đôn: 04 Dự án với tổng diện tích 1.142,05 ha, cụ thể: Dự án Khách sạn và nhà hàng Buôn Đôn, diện tích 0,20 ha của Công ty cổ phần Chính Nghĩa; Dự án trồng rừng kinh tế bằng cây cao su, diện tích 361,16 ha của Công ty TNHH Hữu Bích; Dự án đầu tư Cải tạo trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, diện tích 779,78 ha của Công ty TNHH Sản xuất-Xuất nhập khẩu Lương thực Bình Dương; Dự án trạm xe buýt và khu giới thiệu quảng cáo du lịch, diện tích 0,91 ha của Công ty cao su Đắc Lắc.

- Tại huyện Ea Súp: 03 Dự án với tổng diện tích 2.633,45 ha, cụ thể: Dự án trồng cao su, trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng; diện tích 1.165,20 ha của Công ty TNHH Anh Quốc; Dự án trồng cao su, cải tạo và phát triển rừng, diện tích 753,88 ha của Công ty cổ phần cao su Phú Riêng Kratie; Dự án đầu tư cải tạo rừng, khoanh nuôi quản lý bảo vệ rừng, diện tích 714,37 ha của Công ty cổ phần địa ốc Thái Bình Phát.

- Tại huyện Lắk: 02 Dự án với tổng diện tích 899,93 ha, cụ thể: Dự án trồng rừng nguyên liệu, diện tích 229,62 ha của Xí nghiệp chế biến gỗ Tây Nguyên; Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy, diện tích 670,31 ha của Công ty TNHH Tiến Phú.

- Tại huyện Ea Kar: 01 Dự án với diện tích 3,40 ha, cụ thể Dự án Nhà máy sản xuất đá Granite của Công ty TNHH đầu tư - xây dựng - thương mại Thành Tâm.

Đánh giá nhận xét: Diện tích đất được giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất nhìn chung đều được đưa vào sử dụng đúng mục đích, đúng tiến độ được quy định tại Luật Đất đai. Bên cạnh đó, qua nhiều đợt thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh phát hiện một số công trình, dự án được UBND tỉnh cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, nhưng chủ đầu tư chậm tiến độ sử dụng đất quá 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ ngày nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa vào sử dụng, nguyên nhân chủ yếu do nhà đầu tư thiếu năng lực tài chính để triển khai dự án theo tiến độ đã phê duyệt; một số dự án sản xuất phi nông nghiệp còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và điều chỉnh nội dung dự án đầu tư.

5. Tình hình tranh chấp địa giới hành chính

Hiện trạng sử dụng đất khu vực tranh chấp với tỉnh Khánh Hòa với tổng diện tích là 9.300 ha, trong đó:

5.1. Phân theo mục đích sử dụng:

5.1.1. Nhóm đất nông nghiệp là: 8.691,5 ha, chiếm 93,46% tổng diện tích khu vực tranh chấp, trong đó:

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 96,96 ha, chiếm 1,04% tổng diện tích khu vực tranh chấp, chia ra theo từng loại đất:

- Đất trồng lúa: 1,30 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 95,66 ha.

b) Đất lâm nghiệp: 8594,54 ha, chiếm 92,41% tổng diện tích khu vực tranh chấp, trong đó:

- Đất rừng sản xuất: 325,06 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 8.269,48 ha.

5.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp: 183,48 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích khu vực tranh chấp, bao gồm:

- Đất giao thông: 1,04 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 182,44 ha.

5.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng: 425,02 ha, chiếm 5,63% tổng diện tích khu vực tranh chấp.

5.2. Phân theo đối tượng quản lý, sử dụng:

Tại khu vực có tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính giữa 02 tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Đắk Lắk, có các người sử dụng, quản lý đất sau: Hộ gia đình, cá nhân; Ban quản lý Dự án rừng phòng hộ núi Vọng Phu; Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp M'Drắk; Công ty cổ phần Trường Thành; Công ty TNHH Tam Phát; UBND xã Ea Trang, cụ thể như sau:

5.2.1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng: 1,19 ha; hiện nay nhân dân trồng hoa màu.

5.2.2. Tổ chức trong nước sử dụng: 9.013,03 ha, chiếm 96,91% tổng diện tích khu vực tranh chấp, trong đó:

a) Tổ chức kinh tế sử dụng: 919,95 ha; chiếm 9,89% tổng diện tích khu vực tranh chấp, bao gồm: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp M'Đrắk sử dụng đất tại 2 tiểu khu 797 gồm các khoảnh: 4, 11, 12 và tiểu khu 802 gồm các khoảnh: 3, 5, 7, 8 có tổng diện tích 649,15 ha, trong đó có liên doanh liên kết với Công ty cổ phần Trường Thành là 49,4 ha; Công ty TNHH Tam Phát được giao 270,8 ha đất trồng rừng, chi tiết các loại đất theo hiện trạng như sau:

- Đất nông nghiệp: 823,95ha; bao gồm:
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 87,25ha;
- + Đất lâm nghiệp: 736,70ha.
- Đất phi nông nghiệp: đất giao thông 0,98 ha.
- Đất chưa sử dụng: 95,02 ha.

b) Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: Gồm 01 tổ chức là Ban quản lý Dự án rừng phòng hộ núi Vọng Phu gồm: 07 tiểu khu (783, 784, 785, 792, 798, 799, 801) sử dụng với tổng diện tích tự nhiên là 8.093,08 ha, chiếm 87,02% tổng diện tích khu vực tranh chấp, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 7.611,31 ha, 100% là đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ);
- Đất phi nông nghiệp: 182,44 ha, đất có mặt nước chuyên dùng;
- Đất chưa sử dụng: 299,33 ha.

5.2.3. UBND xã Ea Trang quản lý 285,79 ha, chiếm 3,07% tổng diện tích khu vực tranh chấp, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 255,06ha, bao gồm:
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 9,71 ha;
- + Đất lâm nghiệp: 245,34 ha.
- Đất phi nông nghiệp: đất giao thông 0,06 ha.
- Đất chưa sử dụng: 30,67 ha.

5.3. Tình hình giải quyết tranh chấp địa giới hành chính

Việc giải quyết tranh chấp địa giới hành chính giữa hai tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hoà: trên cơ sở phương án giải quyết tranh chấp địa giới hành chính giữa hai tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hòa được Bộ Nội vụ đề xuất tại Công văn số 2988/BNV-CQĐP ngày 06 tháng 6 năm 2017, Tỉnh ủy Đắk Lắk có ý kiến thống nhất xác định địa giới hành chính giữa tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Khánh Hòa tại khu vực còn chồng lấn tại Thông báo số 1384-TB/TU ngày 20 tháng 6 năm 2017, cụ thể như sau:

- Giao tỉnh Khánh Hòa quản lý 5.341,4 ha/ 9.300 ha (trong đó có hồ thủy điện Krông Rou).

- Giao tỉnh Đắk Lắk quản lý 3.958,6 ha/ 9.300 ha (trong đó có núi Hòn Vọng Phu và núi Mẹ Bồng Con).

Đến nay, đại diện lãnh đạo hai tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hoà đã ký xác nhận Bản đồ và Bản mô tả địa giới hành chính giữa tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Khánh Hoà tại khu vực tranh chấp.

IV. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

- Kết quả Thống kê đất đai năm 2018 đã đánh giá đúng hiện trạng sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách về đất đai của tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện đảm bảo chất lượng, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020; trong đó, xác định được quỹ đất để kêu gọi đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô hiệu quả lớn, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thu hút nhiều lao động địa phương; các dự án du lịch, quỹ đất bán đấu giá, điện năng lượng mặt trời... Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xác định diện tích kêu gọi đầu tư và giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm đưa đất đai vào sử dụng tiết kiệm, hiệu quả;

- Làm cơ sở cho việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện sát với thực tế và nhu cầu sử dụng đất của địa phương, tạo sự minh bạch trong việc tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm thu hút đầu tư, đưa đất đai vào quản lý sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; xác định cụ thể diện tích, loại đất cho từng đối tượng quản lý, sử dụng để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phương án sử dụng đất đối diện tích đất thu hồi bàn giao về địa phương quản lý theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các trường hợp sử dụng đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 64 của Luật Đất đai và Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai; nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để người dân hiểu, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật đất đai.

2. Kiến nghị:

- Sớm giải quyết dứt điểm tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính giữa tỉnh Đắk Lắk với tỉnh Khánh Hòa, diện tích 9.300 ha;

- Hỗ trợ kinh phí đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho 02 huyện biên giới là huyện Ea Súp và huyện Buôn Đôn;

- Bố trí đủ kinh phí để triển khai thực hiện Đề án Tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các Công ty nông, lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, Ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&ĐT, NN&PTNT, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Trung.37b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knơng